

CHƯƠNG VIII

NHUNG VÊN DÒ CT – XH Cã TÝNH QUY LUËT TRONG TIÕN TRINH CM XHCN



NỀN DÂN CHỦ XHCN VÀ NHÀ NƯỚC XHCN

Phần 1: Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa

Phần 2: Nhà nước xã hội chủ nghĩa

Phần 3: Đổi mới hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.



Mục tiêu chung.

Nắm vững những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin về dân chủ, Nhà nước hệ thống chính trị;

Hiểu rõ bản chất của dân chủ xã hội chủ nghĩa và sự cần thiết phải đổi mới hệ thống chính trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước nhằm thực hiện dân chủ thực sự của nhân dân.

Lịch sử của vấn đề dân chủ

1. Cuối xã hội cộng xã nguyên thủy.

do lợi ích chung của cộng đồng,

đã biết cử ra những người đứng đầu để thực thi những công việc chung

đồng thời, người đứng đầu cộng đồng cũng có thể bị phế bỏ nếu vi phạm nội quy của cộng đồng.

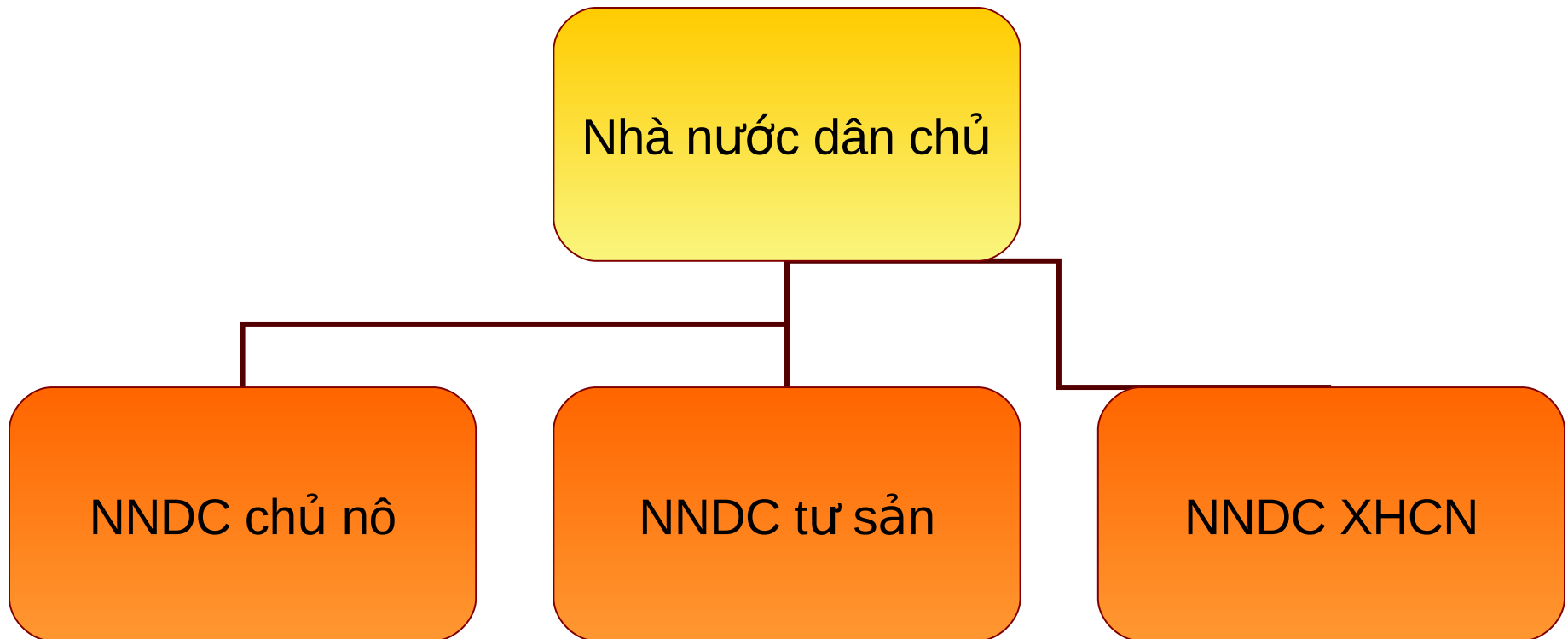
Việc cử ra hay phế bỏ người đứng đầu đều do quyền và sức lực của dân quyết định. Số chính là nội dung của dân chủ.

Ngôn ngữ Hy Lạp “demokratos” : “quyền lực của dân” (tức là dân chủ).



Lịch sử của vấn đề dân chủ

2. Với tư cách là một Nhà nước



, - Tuy nhiên, muốn biết một Nhà nước dân chủ có thực sự dân chủ hay không phải xem trong Nhà nước ấy dân là ai và bản chất của chế độ xã hội ấy như thế nào.

Lịch sử của vấn đề dân chủ

+ CHNL, GC chủ nô dùng pháp luật để lập ra NN thông qua bầu cử - NNDC (cuối thế kỷ VIII đến thế kỷ VI trước công nguyên ở Aten và Hy Lạp cổ).

Luật GC chủ nô : dân mới được tham gia bầu ra Nhà nước.

“Dân” : GC chủ nô, tầng lữ, thương gia, một số trí thức và người tự do.

Đa số còn lại - “nô lệ”

Như vậy, về thực chất, NNDC chủ nô không phải là một NNDC vi quyền lực của dân đã bị giai cấp chủ nô chiếm đoạt.

Lịch sử của vấn đề dân chủ

+ TBCN, NNDC tư sản được thành lập và đã đạt được những thành tựu to lớn trong việc thực thi dân chủ (chủ yếu là do nhân dân lao động tạo ra). GC tư sản vẫn duy trì chế độ CHTN về TLSX để bảo vệ lợi ích chủ yếu của GC tư sản.

Do vậy, NN tư sản vẫn không phải là Nhà nước thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân, chưa phải là một NN thực sự dân chủ.

Lịch sử của vấn đề dân chủ

+ CM tháng Mười Nga (1917) thắng lợi bắt đầu một thời đại mới, trong đó, ND trở thành người làm chủ xã hội và lập ra Nhà nước dân chủ xã hội chủ nghĩa để thực hiện quyền lực của dân - tức là xây dựng NN dân chủ thực sự.

Tóm lại, dân chủ đã ra đời từ rất lâu trong lịch sử (cuối chế độ cộng đồng nguyên thủy) và dân chủ chính là việc thực thi quyền lực của dân (hay dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân).

Quan niệm của CN MLN về dân chủ

1. *Dân chủ là quyền lực của nhân dân .*

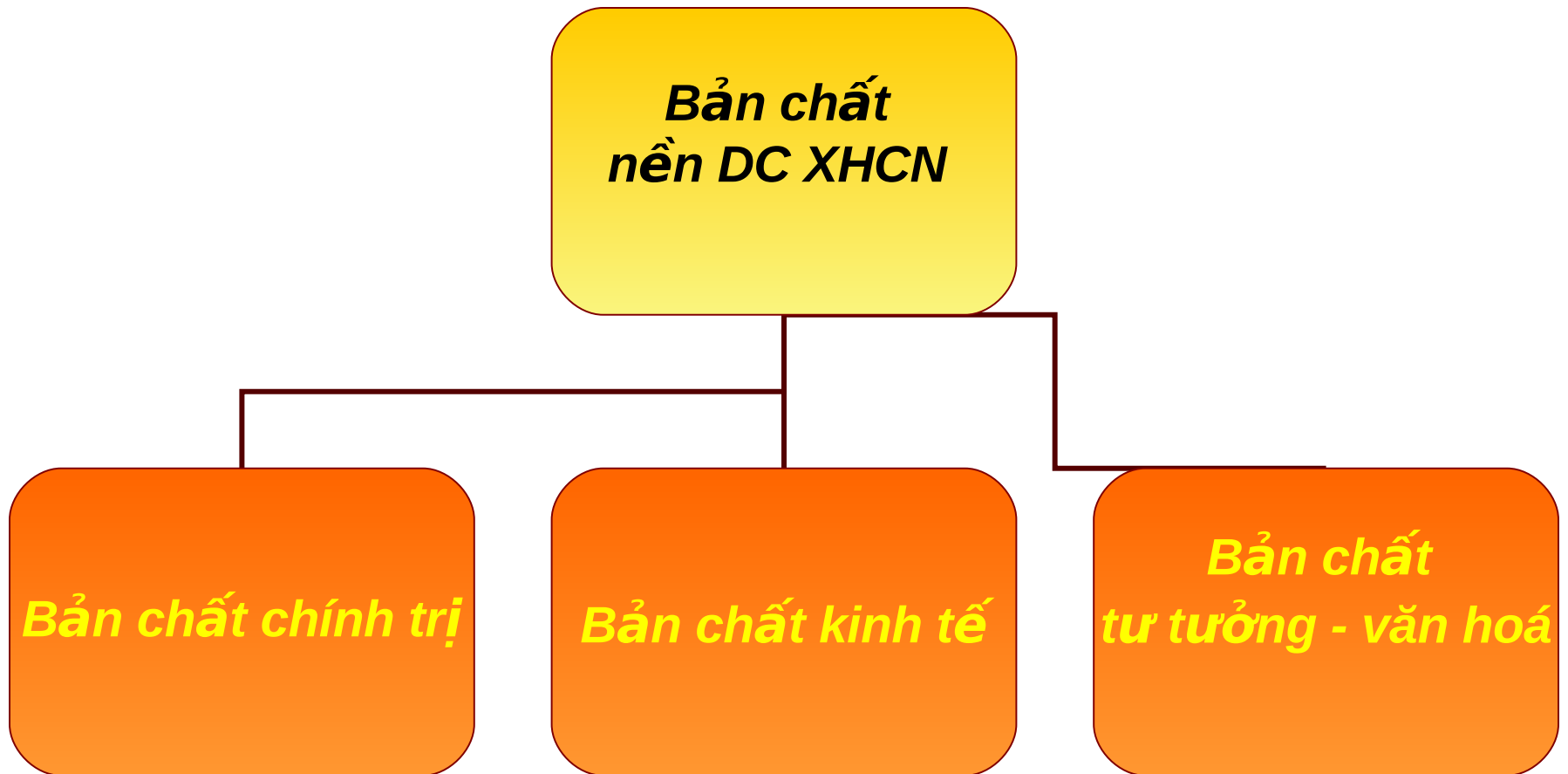
2. *Dân chủ mang bản chất giai cấp thống trị xã hội.*

Do đó, với tư cách là một chế độ dân chủ, một Nhà nước dân chủ thì dân chủ là một phạm trù lịch sử; phạm trù chính trị

3. *Từ khi có Nhà nước dân chủ thì dân chủ còn được hiểu là một hình thức Nhà nước.*

4. *Mỗi chế độ và Nhà nước dân chủ đều do một giai cấp thống trị chi phối các lĩnh vực của đời sống xã hội, do đó, tính giai cấp thống trị cũng chi phối tính dân tộc, và tính chất của chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội ... ở mỗi dân tộc cụ thể.*

Bản chất của nền dân chủ XHCN



Bản chất chính trị

- 1. Toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân - mục tiêu của xã hội.*
- 2. Được thiết lập sau khi GC công nhân giành được chính quyền*
- 3. Là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua đảng có sự thống nhất giữa*

Tính GC công nhân - tính DT - tính ND

- 4. Do Đảng cộng sản lãnh đạo dân chủ xã hội chủ - nhất nguyên về chính trị.*

Bản chất kinh tế

- 1. Công hữu về TLSX chủ yếu*
- 2. Phát triển ổn định về kinh tế và chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng Mác-Lênin và sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.*
- 3. Kinh tế xã hội chủ nghĩa là sự kế thừa và phát triển mọi thành tựu nhân loại*

Bản chất tư tưởng - văn hoá

- 1. Lấy hệ tư tưởng Mác-Lênin - hệ tư tưởng của giai cấp công nhân làm nền tảng; đồng thời là sự kế thừa, phát huy những tinh hoa văn hoá truyền thống các dân tộc; tiếp thu những giá trị tiến bộ, văn minh mà nhân loại đã đạt được.*
- 2. Nhân dân được làm chủ những giá trị văn hoá tinh thần; được nâng cao trình độ văn hoá, có điều kiện để phát triển cá nhân.*

Sự khác biệt giữa DC XHCN và DC TS

DC XHCN	DC TS
cho đại đa số nhân dân lao động	cho thiểu số
bản chất của giai cấp công nhân	bản chất của giai cấp tư sản
Đảng cộng sản lãnh đạo, nhất nguyên về chính trị;	đảng của giai cấp tư sản thay nhau lãnh đạo và thực hiện chế độ đa đảng.
qua nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa	qua nhà nước pháp quyền tư sản (tam quyền phân lập).
công hữu hoá	tư hữu hoá

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa

*Đảng cộng sản
là hạt nhân*

*Nhà nước XHCN
là cơ quan thể hiện
và thực hiện quyền
lực của NDLD*

*Các tổ chức chính trị -
xã hội: hoạt động trong
khuôn khổ của pháp luật*

- Ba bộ phận này cùng với cơ chế vận hành của chúng hợp thành hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, gắn bó chặt chẽ với nhau vì mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- Mối quan hệ giữa ba bộ phận này trong hệ thống chính trị là cơ chế vận hành của hệ thống chính trị, trong đó mối quan hệ giữa Đảng cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa đóng vai trò quan trọng.

Quan niệm về Nhà nước xã hội chủ nghĩa

NNXHCN – NNCCVS

- Tổ chức chính trị cơ bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, một công cụ chủ yếu mà Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra nhằm thực hiện quyền lực và lợi ích của nhân dân lao động và xây dựng chủ nghĩa xã hội
- Kế thừa và phát huy những thành quả dân chủ mà nhân loại đã tạo ra trong lịch sử.
- Dân bầu ra và có thể bãi miễn, đồng thời nó kế thừa tính hợp lý về cơ cấu tổ chức có tính pháp quyền của Nhà nước dân chủ tư sản, bao gồm cơ quan lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ) và tư pháp (Tòa án, Viện kiểm sát...), song khác với chế độ tam quyền phân lập của Nhà nước tư sản.

Bản chất của Nhà nước xã hội chủ nghĩa

- 1. Mang bản chất giai cấp công nhân.*
- 2. Giai cấp công nhân đại biểu cho lợi ích của toàn thể nhân dân lao động và dân tộc,*
- 3. Vừa có bản chất giai cấp công nhân, vừa có tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc.*

Do vậy, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội phải xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Chức năng cơ bản

- 1. Tổ chức xây dựng xã hội mới**
- 2. Trấn áp sự phản kháng của kẻ thù giai cấp**

→ Bạo lực, trấn áp là cái vốn có của mọi chính sách của Nhà nước, do đó nó cũng là cái vốn có của Nhà nước vô sản. Tuy nhiên, trong Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chức năng tổ chức - xây dựng là cơ bản.

Nhiệm vụ của Nhà nước xã hội chủ nghĩa

- 1. Trong lĩnh vực chính trị:* Nhà nước là công cụ chủ yếu để bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền của giai cấp công nhân và xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa ở đó đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.
- 2. Trong lĩnh vực kinh tế:* để thực hiện nhiệm vụ xây dựng, Nhà nước vô sản phải hoàn thành việc tước đoạt giai cấp tư sản; phát triển lực lượng sản xuất hiện đại; củng cố kỷ luật lao động mới, nâng cao năng suất lao động.
- 3. Trong lĩnh vực xã hội:* phải quản lý toàn diện xã hội, phải tạo ra quan hệ xã hội mới, tạo ra cách thức tổ chức lao động mới có khả năng phối hợp việc ứng dụng những thành tựu của khoa học - công nghệ hiện đại với việc tập hợp quần chúng lao động

Hệ thống CTVN hiện nay - Những thành tựu

- 1. Trong quá trình đổi mới đất nước, Đảng CS VN không ngừng được củng cố về chính trị, tư tưởng, tổ chức: vai trò lãnh đạo được giữ vững và tăng cường; đường lối đổi mới ngày càng hoàn thiện.***
- 2. Trên lĩnh vực lập pháp: Hiến pháp 1992 đã được ban hành, nhiều bộ luật và văn bản pháp luật quan trọng đã được xây dựng và ban hành***
- 3. Mặt trận, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức chính trị - xã hội từng bước đổi mới về nội dung và phương thức hoạt động đạt hiệu quả thiết thực hơn. Quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực đã được phát huy.***

Những hạn chế, yếu kém

- 1. Trong nền kinh tế thị trường, nhiều vấn đề lý luận về Đảng cộng sản cầm quyền trong điều kiện kinh tế đó còn chưa được làm sáng tỏ. Một bộ phận cán bộ, công chức suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức lối sống; bệnh cơ hội, chủ nghĩa cá nhân, tham nhũng diễn ra nghiêm trọng.**
- 2. Việc đổi mới nền hành chính quốc gia còn chậm. Quyền làm chủ của nhân dân chưa được phát huy có hiệu quả.**
- 3. Phương thức tổ chức, hoạt động của nhiều tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc còn quan liêu, chậm đổi mới.**

Những khuynh hướng

- + Khắc phục lối nhìn hẹp hòi, đối lập máy móc
- + Phê phán luận điểm ca ngợi một chiều dân chủ tư sản
- + Phê phán quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng
- + Phát huy dân chủ đi đôi với việc chống tệ quan liêu, tham nhũng, thoái hoá biến chất.
- + Kiên quyết đấu tranh chống tình trạng lợi dụng dân chủ gây rối trật tự xã hội, đi ngược lại lợi ích của nhân dân

II. XD NÒN V_iN HãA XHCN

GIÀO TRÌNH

NHỮNG NGUYÊN LÝ CƠ BẢN CỦA CHỦ NGHĨA MẮC-LÊNIN

(Trong chương trình này, chúng ta sẽ tìm hiểu về các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin và vai trò của nó trong việc xây dựng xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam)

III. GIỚI QUYẾT VÊN DÒ ĐẸN TẾC Vμ TỜN GI, O

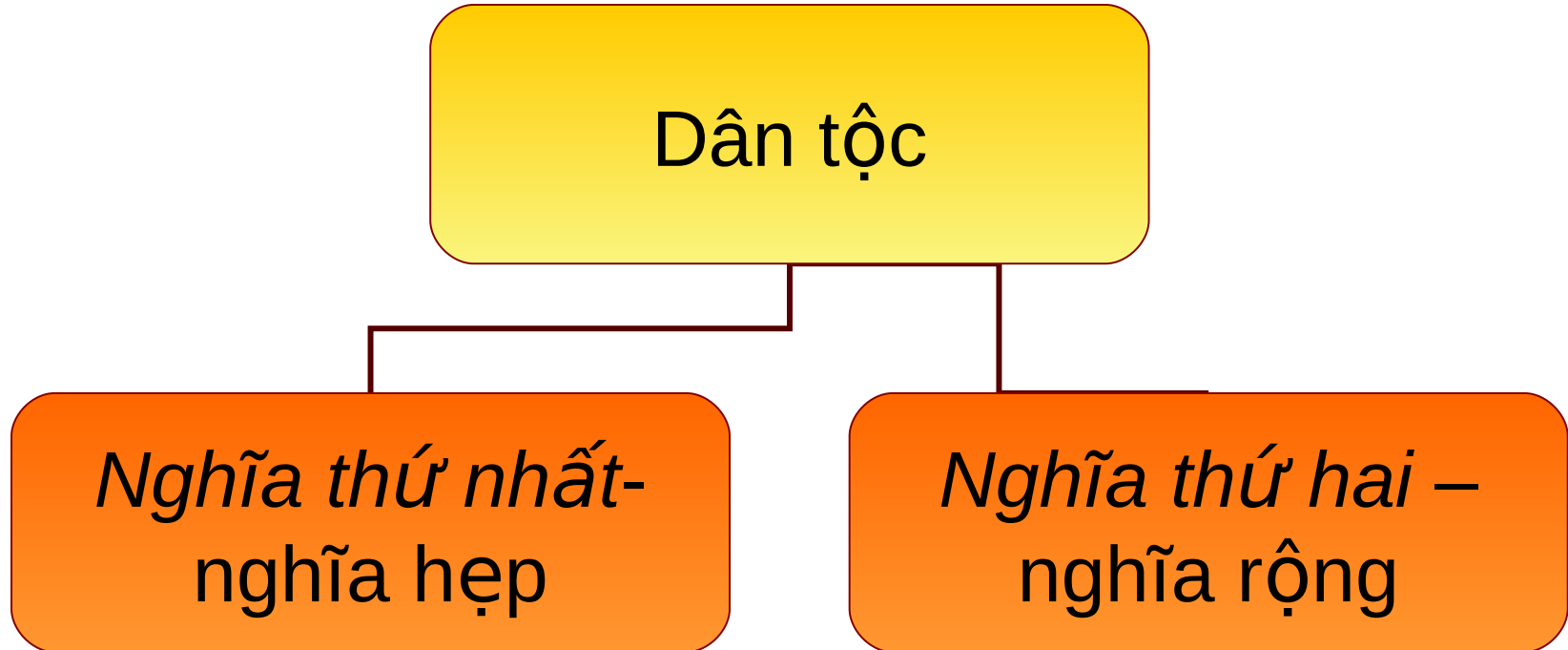


VÊN DÒ DẶN TẾC Vμ C, C NGUYEN T¾C C¥ B¶N
CñA CN MLN TRONG VIÖC GI¶I QUYÖT VÊN DÒ
DẶN TẾC



Khái niệm dân tộc

- SP của quá trình phát triển xã hội loài người : thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc.
- Ở phương Tây, dân tộc xuất hiện khi PTSX TBCN được xác lập .
- Ở một số nước phương Đông, dân tộc đã hình thành trước khi CNTB được xác lập.



Nghĩa thứ nhất-nghĩa hẹp

Dân tộc - tộc người:

→ cộng đồng người có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững

→ có sinh hoạt kinh tế chung;

→ có ngôn ngữ riêng (ngôn ngữ tộc người);

→ có ý thức tự giác tộc người

→ và những nét văn hoá đặc thù;

→ xuất hiện sau thị tộc, bộ lạc, bộ tộc.

→ Dân tộc - một tộc người trong một quốc gia đa dân tộc.

Ví dụ, Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc bao gồm 54 tộc người.

Nghĩa thứ hai-nghĩa rộng

Dân tộc - quốc gia



cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân của một nước

có lãnh thổ, quốc gia

nền kinh tế thống nhất

có ngôn ngữ chung

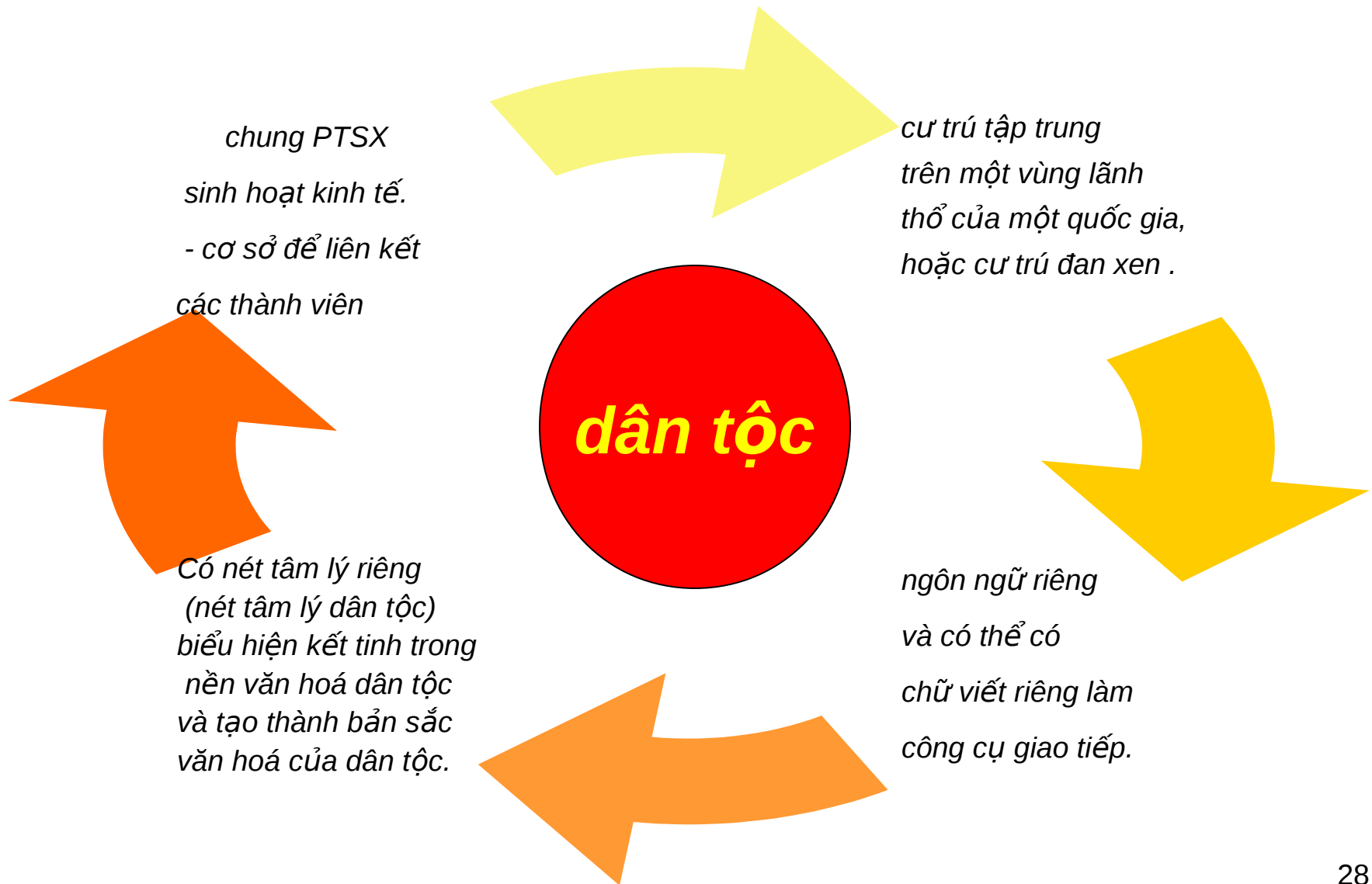
và có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình

gắn bó với nhau bởi lợi ích chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá và lịch sử.

→ Dân tộc - quốc gia - dân tộc.

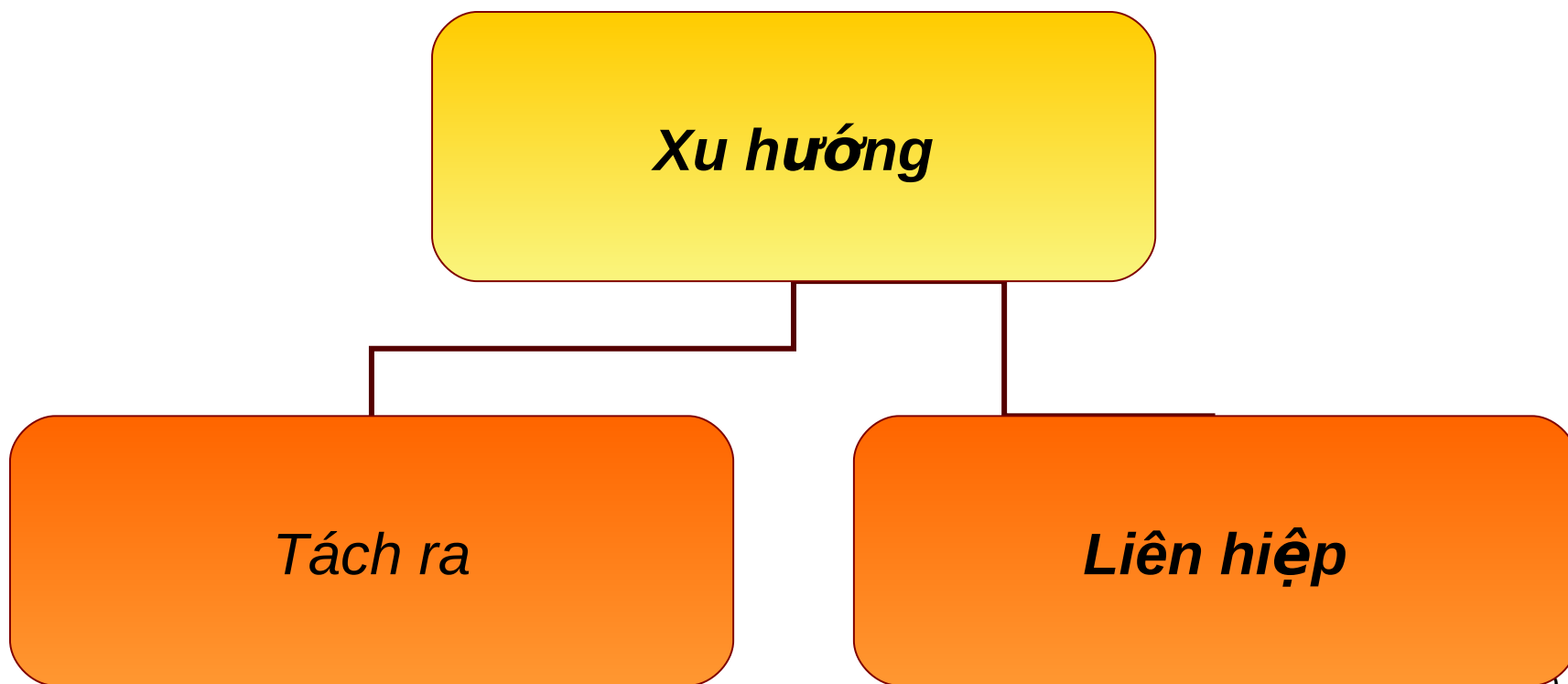
Ví dụ, dân tộc Việt Nam , dân tộc Trung Hoa...

Những đặc trưng cơ bản của dân tộc



Hai xu hướng khác nhau của sự phát triển dân tộc

(V.I.Lênin phát hiện)



Xu hướng thứ nhất

Nguyên nhân:

sự thức tỉnh, sự trưởng thành về ý thức dân tộc, ý thức về quyền sống của mình.

Ví dụ:

cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc của dân tộc Việt Nam nhằm thoát khỏi sự áp bức, bóc lột của thực dân Pháp tháng 8/1945.

Thúc chÉt:

Cộng đồng dân cư muốn tách ra để hình thành cộng đồng dân tộc độc lập và tự lựa chọn con đường phát triển của dân tộc.

Thể hiện:

phong trào đấu tranh giành độc lập dân tộc của các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc.

Xu hướng thứ hai

Nguyên nhân:

sự phát triển khách quan của
lịch sử, mở rộng giao lưu KT và
văn hoá giữa các dân tộc đã
phá bỏ hàng rào ngăn cách để
liên hiệp lại trên cơ sở
bình đẳng, tự nguyện.



Cao trào Xô Viết - Nghệ Tĩnh 1930-1931. đỉnh cao của cao trào cách mạng 1930-1931, cuộc Tổng diễn tập đầu tiên của cách mạng Việt Nam do Đảng của giải cấp công nhân lãnh đạo.

MQH GC - DT

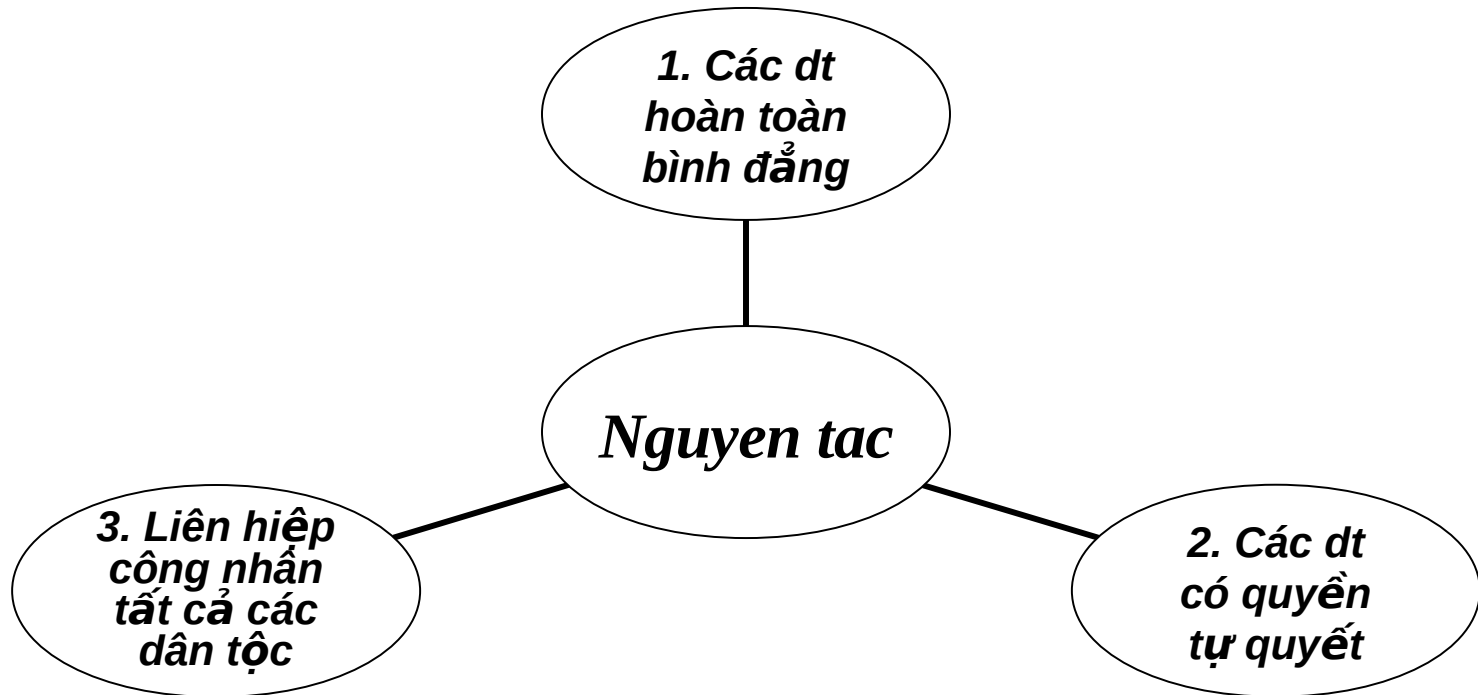
vấn đề dân tộc là vấn đề bộ phận, là vấn đề phụ thuộc vào vấn đề giai cấp.

→ Khi chế độ người bóc lột người bị xóa bỏ thì sẽ xóa bỏ được tình trạng dân tộc này áp bức, đô hộ các dân tộc khác

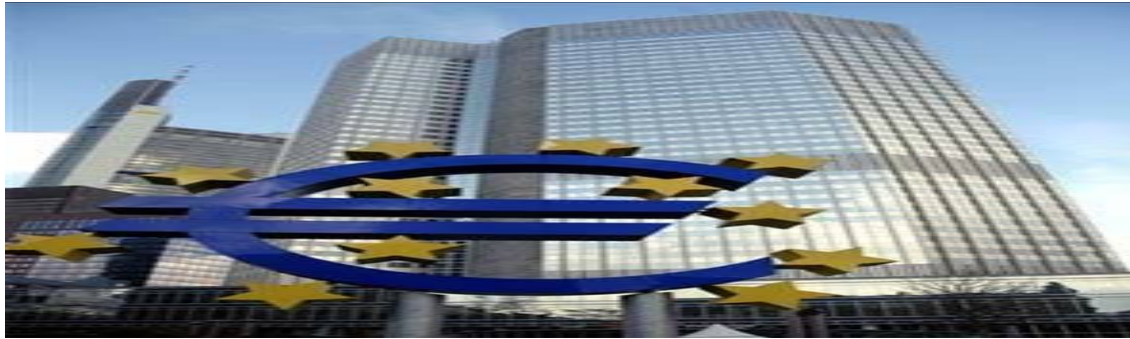
Thùc chÊt:

Các dân tộc trong
từng quốc gia, thậm
chí các dân tộc ở

Cương lĩnh dân tộc – Nguyên tắc



1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng



1. **Quyền thiêng liêng. Các dân tộc đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.**
2. **Trong mọi quan hệ xã hội, không một dân tộc nào có quyền đi áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng dân tộc phải được thể hiện trên cơ sở pháp lý, trên thực tế.**
3. **BP trước hết phải thủ tiêu tình trạng áp bức giai cấp, xoá bỏ tình trạng áp bức dân tộc; đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa sô vanh.**
4. **Quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa các dân tộc**

2. Các dân tộc có quyền tự quyết

1. Đó là quyền của các dân tộc tự quyết định lấy vận mệnh của dân tộc mình, quyền tự lựa chọn chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình.
2. Quyền tự quyết dân tộc bao gồm quyền tách ra thành lập một quốc gia dân tộc độc lập, đồng thời có quyền tự nguyện liên hiệp với dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng. Tuy nhiên, việc thực hiện quyền dân tộc tự quyết phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc

- 1. Phản ánh sự thống nhất giữa giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp; giữa tinh thần của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế chân chính.*
- 2. Là cơ sở vững chắc để đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội.*
- 3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin là cơ sở lý luận quan trọng để các Đảng cộng sản vận dụng thực hiện chính sách dân tộc trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và XD CNXH*



VÊN DÒ Tén gi,ò Vµ C,C NGUYEN T¾C C¥ B¶N
CñA CN MLN TRONG VIÖC GI¶I QUYÖT VÊN DÒ
Tén gi,ò



BÀI TẬP

1. Đặc trưng nào sau đây không phải là đặc trưng của dân tộc - tộc người?

- a. Có ngôn ngữ tộc người
- b. Có đặc điểm văn hoá tộc người
- c. Có ý thức tự giác tộc người
- d. Lãnh thổ

2. Các cộng đồng dân cư có khuynh hướng tách ra để xác lập các cộng đồng dân tộc độc lập trong thời đại tư bản chủ nghĩa là do:

- a. Phân công lao động xã hội.
- b. Sự cạnh tranh giữa các cộng đồng dân cư.
- c. Sự trưởng thành của ý thức dân tộc.
- d. Cả a và c.

3. Các dân tộc có khuynh hướng liên hiệp lại với nhau trong thời đại tư bản chủ nghĩa là do:

- a. Sự phát triển của lực lượng sản xuất và khoa học - công nghệ.
- b. Nhu cầu giao lưu kinh tế.
- c. Nhu cầu giao lưu văn hóa.
- d. Cả a, b, c

BÀI TẬP

4. Vấn đề nào không phải là nội dung chủ yếu trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin?

- a) Các dân tộc có quyền bình đẳng.
- b) Các dân tộc có quyền tự quyết.
- c) Phong trào giải phóng dân tộc phải gắn liền với cách mạng vô sản.
- d) Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

5. Đâu là nội dung quan trọng nhất trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin?

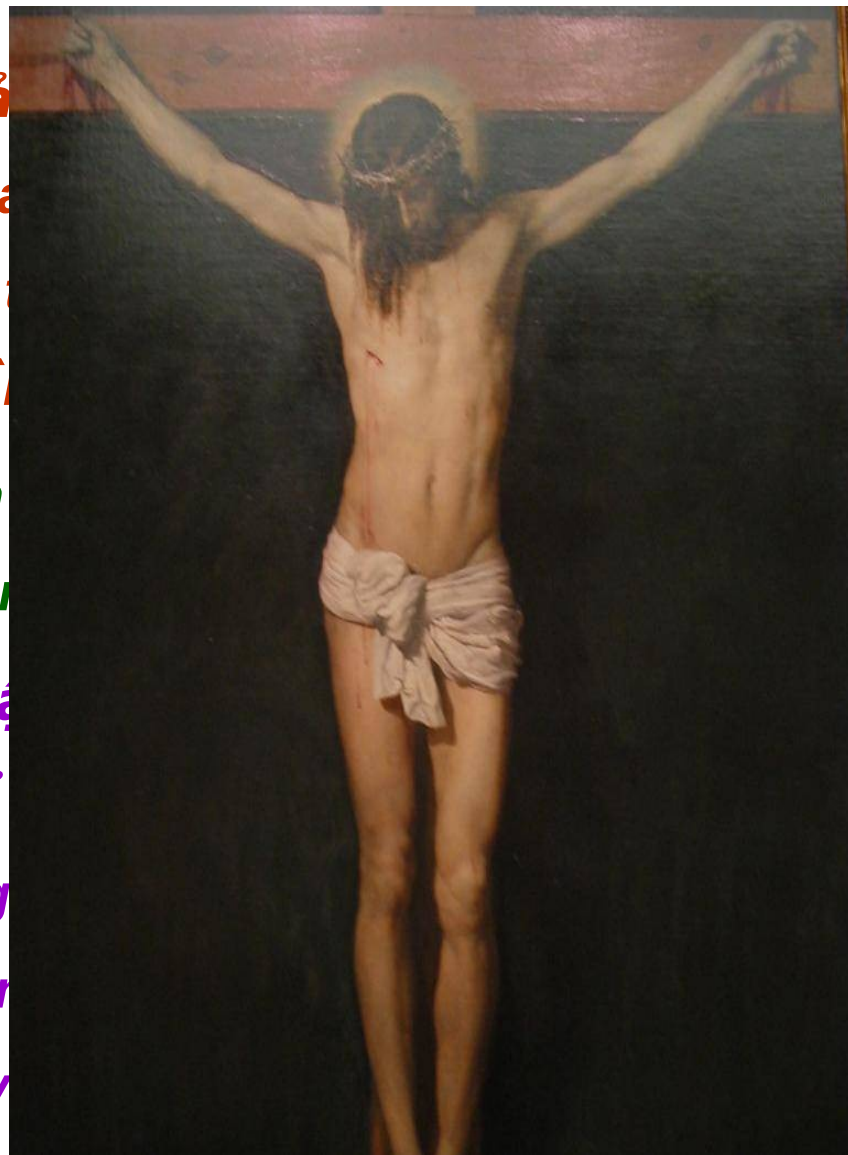
- a) Các dân tộc có quyền bình đẳng.
- b) Các dân tộc có quyền tự quyết.
- c) Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc.

6. Nguyên tắc để thực hiện quyền dân tộc tự quyết là:

- a) Đảm bảo lợi ích của giai cấp công nhân
- b) Kết hợp đúng đắn lợi ích của công nhân, nông dân và trí thức
- c) Đảm bảo lợi ích của các dân tộc
- d) Đảm bảo sự thống nhất giữa lợi ích dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân.

Bản chất của tôn giáo

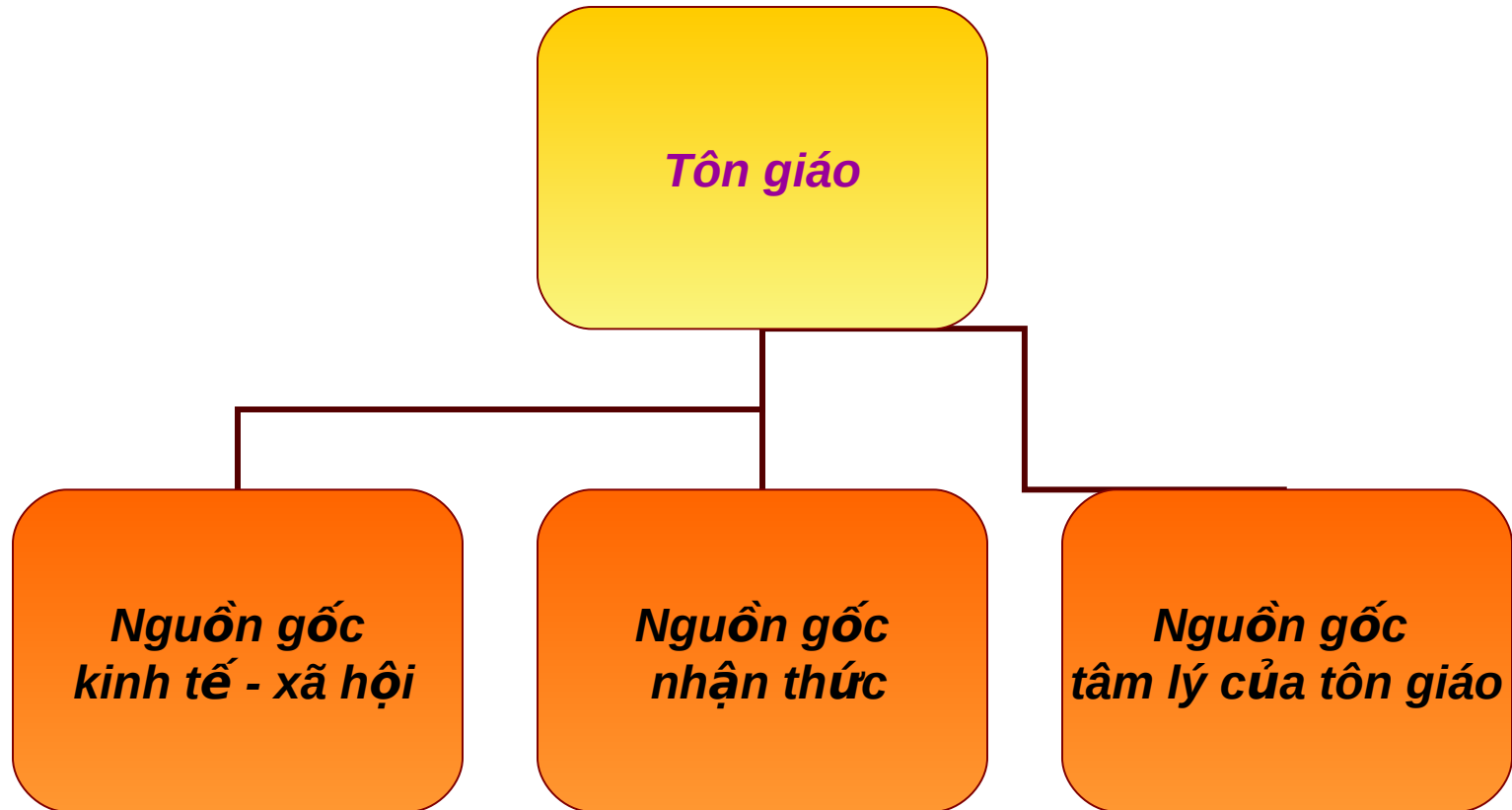
- 1. Một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hiện thực khách quan, hoang đường, hư ảo HTKQ. Qua đó, tôn giáo là một sức mạnh tinh thần của tôn giáo, những sức mạnh tinh thần tự nhiên và xã hội đều trở nên thần thánh.**
- 2. Sản phẩm của con người phản ánh bản chất của con người trước tự nhiên.**
- 3. TGQ DV M-X và TGQ TG là đối lập nhau. Chủ nghĩa Mác-Lênin chỉ ra rằng tôn giáo bao giờ được phép xem thường quyền lợi của nhân dân. Tôn giáo hợp pháp của nhân dân không được trọng quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do tín ngưỡng của nhân dân.**



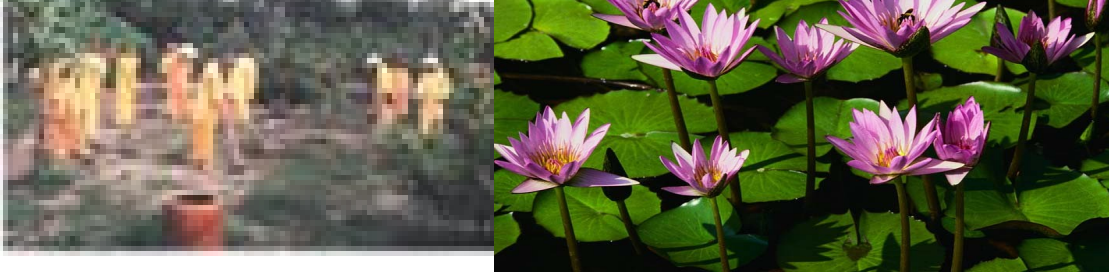
Phân biệt giữa tín ngưỡng, tôn giáo, và mê tín dị đoan

<i>Tín ngưỡng</i>	<i>Tôn giáo</i>	<i>Mê tín dị đoan</i>
<p><i>niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một lực lượng siêu nhiên, thần bí</i></p>	<p><i>hệ thống giáo lý, giáo luật chặt chẽ (thể hiện qua các bộ Kinh, các bộ giáo lý); có lễ nghi chặt chẽ và bắt buộc Có tổ chức chặt chẽ để thực hiện các lễ nghi đó (Ví dụ tổ chức Giáo Hội của Thiên chúa giáo...).</i></p>	<p><i>hình thái ý thức xã hội phản ánh niềm tin mù quáng của một số người vào các lực lượng siêu nhiên, làm cho con người mê muội, dẫn đến những hành vi cực đoan, thái quá, phi nhân tính, do vậy, nó phải bị loại bỏ.</i></p>

Nguồn gốc của tôn giáo



Ng



Lực lượng sản xuất chưa phát triển, những hiện tượng tự nhiên như bão, lụt, động đất... tác động và chi phối con người.

Con người yếu đuối, bất lực trước sức mạnh của tự nhiên nên đã gán cho tự nhiên những sức mạnh, quyền lực to lớn (ví dụ như thần Mặt trời, thần sấm, thần lửa v.v...).

Khi xã hội xuất hiện các giai cấp đối kháng, có áp bức bất công, do không giải thích được nguồn gốc của sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột bất công, tội ác v.v..., cộng với sự lo sợ trước sự thống trị của các lực lượng xã hội,

Con người trông chờ vào sự giải phóng của một lực lượng siêu nhiên ngoài trần thế.

Nguồn gốc nhận thức



Nhận thức của con người có giới hạn, tin sức mạnh siêu phàm.

Khoa học đã phát triển rất mạnh mẽ - tôn giáo vẫn có xu hướng phát triển.

Khoa học - hiểu rõ bản chất của nhiều sự vật và hiện tượng tự nhiên và xã hội.

Song thế giới còn muôn vàn điều bí ẩn mà con người chưa hiểu rõ bản chất.

Khoa học giúp con người có thể dự báo trước được nhiều hiện tượng tự nhiên sẽ xảy ra nhưng lại không thể ngăn cản nó.

Khi hiện tượng tự nhiên xảy ra, cuộc sống và tính mạng của con người vẫn bị đe dọa



Nguồn gốc tâm lý của tôn giáo

- 1. Sự sợ hãi trước những hiện tượng tự nhiên, xã hội, hay trong những lúc ốm đau, bệnh tật; ngay cả những may, rủi bất ngờ xảy ra, hoặc tâm lý muốn được bình yên khi làm một việc lớn.***
- 2. Thậm chí cả những tình cảm tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, lòng kính trọng đối với những người có công với nước, với dân cũng dễ dẫn con người đến với tôn giáo .***



BÀI TẬP

1. Chủ nghĩa Mác-Lênin coi tôn giáo là:

- a) Một hình thái ý thức xã hội
- b) Một thuộc tính của ý thức xã hội mang tính bảo thủ
- c) Là hiện tượng mà các giai cấp thống trị bóc lột thường sử dụng để phục vụ cho lợi ích của nó.
- d) Cả a, b, c

2. Chỉ ra một luận điểm đúng trong các luận điểm sau:

- a) Tôn giáo mang tính quần chúng rộng rãi vì nó tồn tại lâu dài trong lịch sử.
- b) Tôn giáo mang tính quần chúng rộng rãi vì nó phục vụ cho mục đích của một giai cấp nhất định.
- c) Tôn giáo mang tính quần chúng rộng rãi vì nó phản ánh khát vọng của những người bị áp bức về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

BÀI TẬP

3. Tôn giáo mang tính chính trị vì:

- a) Các giai cấp thống trị, bóc lột trong lịch sử luôn lợi dụng tôn giáo phục vụ lợi ích của mình.
- b) Giáo lý của các tôn giáo luôn bênh vực cho một giai cấp nào đó trong xã hội.
- c) Tôn giáo là sản phẩm của sự phân chia giai cấp trong xã hội.
- d) Cả a, b, c.

4. Chỉ ra luận điểm sai trong các luận điểm sau đây:

- a) Tôn giáo mang tính chính trị vì các giai cấp thống trị, bóc lột thường sử dụng tôn giáo như một phương tiện phục vụ cho lợi ích của mình.
- b) Tôn giáo mang tính chính trị ngay từ khi mới ra đời.
- c) Tôn giáo mang tính chính trị khi xã hội có sự phân chia giai cấp

NT giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình XD CNXH

1. Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
2. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của công dân; mọi người có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; Nghiêm cấm những kẻ lợi dụng tôn giáo để hoạt động đi ngược lại lợi ích của nhân dân.
3. Thực hiện đoàn kết toàn dân, đoàn kết những người theo hoặc không theo tôn giáo; đoàn kết những người theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính để cùng nhau xây dựng đất nước.

NT giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình XD CNXH

1. Cần phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân nên phải tôn trọng. Mặt chính trị thể hiện sự lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, do vậy, đấu tranh để loại bỏ mặt chính trị phản động trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên.
2. Phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo, bởi vì ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau.



NT giải quyết vấn đề tôn giáo trong quá trình XD CNXH

1. Khắc phục dần những ảnh hưởng tiêu cực của tôn giáo phải gắn liền với quá trình cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới.
2. Tôn trọng, bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và quyền tự do không tín ngưỡng của công dân; mọi người có hay không có tín ngưỡng, tôn giáo đều bình đẳng về nghĩa vụ và quyền lợi; Các tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật; Nghiêm cấm những kẻ lợi dụng tôn giáo để hoạt động đi ngược lại lợi ích của nhân dân.
3. Thực hiện đoàn kết toàn dân, đoàn kết những người theo hoặc không theo tôn giáo; đoàn kết những người theo các tôn giáo khác nhau; đoàn kết các tôn giáo hợp pháp, chân chính để cùng nhau xây dựng đất nước.
4. Cần phân biệt rõ hai mặt chính trị và tư tưởng trong giải quyết vấn đề tôn giáo. Mặt tư tưởng thể hiện nhu cầu tín ngưỡng tôn giáo của nhân dân nên phải tôn trọng. Mặt chính trị thể hiện sự lợi dụng tôn giáo để chống lại sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, do vậy, đấu tranh để loại bỏ mặt chính trị phản động trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên.
5. Phải có quan điểm lịch sử - cụ thể khi giải quyết vấn đề tôn giáo, bởi vì ở những thời kỳ lịch sử khác nhau, vai trò, tác động của từng tôn giáo đối với đời sống xã hội không giống nhau.

Chọn phương án đúng

1. Thực chất của dân chủ là gì ?

- a) Là dân làm chủ
- b) Là toàn bộ quyền lực thuộc về nhân dân.
- c) Nhân dân là người sáng tạo ra lịch sử
- d) Sự nghiệp cách mạng là của dân, do dân và vì dân.

2. Dân chủ xuất hiện từ khi nào ?

- a) Cuối chế độ cộng sản nguyên thủy.
- b) Khi Nhà nước dân chủ chủ nô ra đời.
- c) Khi giai cấp tư sản lên cầm quyền
- d) Khi cách mạng xã hội chủ nghĩa nổ ra và giành thắng lợi.

Chọn phương án đúng

3. Trong lịch sử có mấy Nhà nước dân chủ:

- a) Hai
- b) Ba
- c) Bốn
- d) Năm

4. Chỉ ra tiêu chí không thuộc bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa:

- a) Quyền lực thuộc về nhân dân.
- b) Do Đảng cộng sản của giai cấp công nhân lãnh đạo.
- c) Cơ sở kinh tế là chế độ công hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu
- d) Đa nguyên về chính trị.

5. Trong hệ thống chính trị xhcn, Đảng cộng sản giữ vai trò lãnh đạo bằng việc:

- a) Quản lý xã hội
- b) Đề ra chủ trương, đường lối, Cương lĩnh cách mạng.
- c) Động viên, tuyên truyền, giáo dục quần chúng nhân dân.
- d) Cả a, b, c.

Chọn phương án trả lời đúng

6. Nhân tố nào là nhân tố cơ bản để thực hiện quyền lực của nhân dân ?

a) Đảng cộng sản

b) Giai cấp công nhân

c) Các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng nhân dân.

d) Nhà nước xã hội chủ nghĩa.

7. Chức năng nào của Nhà nước là chức năng cơ bản nhất:

a) Trấn áp kẻ thù

b) Tổ chức - xây dựng.

c) Quản lý xã hội

Chọn phương án đúng

8. Nước ta hiện nay, việc đổi mới hệ thống chính trị nhằm:

- a) Đảm bảo quyền lực thuộc về nhân dân.
- b) Nâng cao hiệu quả hoạt động của Nhà nước.
- c) Giải quyết mối quan hệ giữa Đảng với Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội của quần chúng nhân dân.
- d) Cả a, b, c.

9. Tính nhân dân của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay trước hết và chủ yếu được biểu hiện ở chỗ:

- a) Nhà nước do nhân dân lập ra, là cơ quan quyền lực của nhân dân và vì nhân dân.
- b) Ra đời từ cuộc cách mạng giải phóng dân tộc.
- c) Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ.
- d) Thực hiện nhất nguyên về chính trị, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam .

Chọn phương án đúng

10. Nhà nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay:

- a) Có tính nhân dân và có tính dân tộc.
- b) Mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân.
- c) Mang bản chất giai cấp công nhân, có tính dân tộc.
- d) Mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và dân tộc.

11. Vai trò của Đảng Cộng sản VN đối với Mặt trận TQ:

- a) Đảng Cộng sản Việt Nam là một thành viên của Mặt trận.
- b) Đảng Cộng sản Việt Nam là người lãnh đạo Mặt trận.
- c) Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên vừa là người lãnh đạo Mặt trận.

ĐÁP ÁN

Phần 1: 1. b 2. a 3. b 4. d 5. b

Phần 2: 1. d 2. b

Phần 3: 1. d 2. a 3. d 4. c